



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



SAFI - SAFI - SAFI

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG.....	1
1.	Thông tin khái quát	1
	Quá trình hình thành và phát triển	1
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
4.	Định hướng phát triển	6
4.1	Mục tiêu chủ yếu của Công ty.....	6
4.2	Chiến lược tập trung.....	6
4.3	Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.....	6
5.	Các rủi ro.....	6
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	7
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
2.	Tổ chức và nhân sự	8
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	10
4.	Tình hình tài chính	12
5.	Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	13
6.	Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	14
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	15
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	15
2.	Tình hình tài chính Công ty đến thời điểm 31/12/2020:	16
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	17
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	17
5.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.....	17
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	18
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	18
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.....	19
3.	Các kế hoạch định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:	19
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	20
1.	Hội đồng quản trị	20

2.	Ban Kiểm soát	21
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD - BKS.....	21
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	22
1.	Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2020 của Công ty.....	22
2.	Ý kiến kiểm toán:	22
3.	Báo cáo tài chính được kiểm toán:	23

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 23/04/2020.
- Vốn điều lệ: 150.853.050.000 đồng
- Mã chứng khoán: SFI
- Địa chỉ: 209 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84 – 028) 3823 8799
- Số fax: (84 – 028) 3822 6283
- Website: www.safi.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển

- 1992 Thành lập Công ty, chính thức đi vào hoạt động vào tháng 11 năm 1992;
- 1994 Hội viên liên kết chính thức của các Hiệp hội FIATA, IATA, VISABA;
- 1995 Mở rộng phạm vi hoạt động, thành lập chi nhánh Hà Nội;
- 1998 Chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ 6,2 tỷ đồng;
Thành lập công ty liên doanh COSFI;
- 2000 Phát triển trên nhu cầu thị trường, thành lập chi nhánh Đà Nẵng
- 2001 Tiếp tục phát huy thế mạnh, thành lập xí nghiệp ở Hải Phòng chuyên về đại lý container, vận tải giao nhận;
- 2004 Đầu tư chiến lược, thành lập Liên doanh Yusen-Việt Nam;
Đưa vào khai thác kho bãi có diện tích 2500m² tại Quận 7, Tp.HCM;
- 2005 Thành viên hiệp hội HHGFAA của Mỹ về dịch vụ di chuyển và đại lý vận tải;
- 2006 Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM;
- 2007 Tăng vốn điều lệ lên 11,39 tỷ đồng;
- 2008 Tăng vốn điều lệ lên 27,63 tỷ đồng;
- 2009 Sở hữu trực tiếp công ty con SITC Việt Nam;
Tăng vốn điều lệ 82,89 tỷ đồng;

- 2013 Vinh dự lọt vào top 10 doanh nghiệp nhỏ và vừa tốt nhất Châu Á do Forbes bình chọn;
Đưa Tòa nhà cao ốc SAFI tại địa chỉ 209 Nguyễn Văn Thủ, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh chính thức đi vào hoạt động;
Thành lập công ty con Đại lý Vận tải COSFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ;
- 2014 Tăng vốn điều lệ lên 103 tỷ đồng;
Thành lập công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ”
- 2015 Tăng vốn điều lệ lên 108 tỷ đồng;
- 2016 Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ (từ 6 tỷ lên 60 tỷ đồng);
Tăng vốn điều lệ lên 113 tỷ đồng;
- 2017 Tăng vốn điều lệ lên 119 tỷ đồng;
Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH Đại lý Vận tải SAFI với tỷ lệ sở hữu 69% vốn điều lệ (từ 1 tỷ lên 2,27 tỷ đồng);
- 2018 Tăng vốn điều lệ lên 125 tỷ đồng;
- 2019 Tăng vốn điều lệ lên 143 tỷ đồng.
- 2020 Tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

SAFI khởi nghiệp kinh doanh từ năm 1992 chỉ với 22 nhân viên cốt cán, công ty thực hiện các dịch vụ vận chuyển đường biển và vận tải nội địa. Theo xu hướng phát triển toàn diện công ty, đa dạng hóa nhiều loại hình dịch vụ, phát triển thành nhiều ngành nghề kinh doanh cốt lõi như:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

- Chi tiết: Đại lý vận tải; Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa; Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa; Đại lý tàu biển; Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển; Hoạt động của các đại lý vé máy bay (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

- Chi tiết: Kinh doanh khai thác kho bãi

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

- Chi tiết: Vận tải hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ hàng hóa quá cảnh); Vận tải đa phương thức quốc tế (trừ khí hóa lỏng để vận chuyển)
- Dịch vụ đóng gói

Chi tiết: Đóng gói bao bì hàng hóa (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)

Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Sản xuất bao bì, chèn lót (không hoạt động tại trụ sở)

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc

Chuyển phát

Chi tiết: Chuyển phát nhanh hàng hóa

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Chi tiết: Mua bán đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép; mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Mua bán bao bì, chèn lót; Mua bán vỏ container

Bán buôn thực phẩm tươi sống, hàng thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: bán kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện

(Theo quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương, doanh nghiệp không được phân phối vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu bao gồm danh mục sản phẩm phần cứng và phần mềm, điện tử theo quy định của Bộ Thông tin truyền thông trừ trường hợp pháp luật cho phép.

Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tét bện

Chi tiết: Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng (không sản xuất, gia công tại trụ sở)

May trang phục (trừ trang phục từ lông da thú)

Chi tiết: Sản xuất gia công quần áo (không sản xuất gia công tại trụ sở)

Sản xuất thiết bị điện khác

Chi tiết: Sản xuất, gia công máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất gia công tại trụ sở)

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống

Chi tiết: Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ (không hoạt động tại trụ sở)

Cho thuê xe có động cơ

Bán buôn kim loại và quặng kim loại

Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại và quặng kim loại

(trừ mua bán vàng miếng, kim loại quý nằm trong danh mục hàng hóa không được thực

hiện quyền phân phối tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)

Đại lý môi giới và đấu giá hàng hóa

Chi tiết: Môi giới hàng hải, đại lý nhập khẩu ủy thác nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, đại lý phân phối nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển

Chi tiết: Cho thuê vỏ container

Đại lý du lịch

Chi tiết: Chỉ được nhận bán chương trình du lịch của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cho khách du lịch để hưởng hoa hồng;

Chỉ được cung cấp dịch vụ đưa khách quốc tế vào Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của du lịch đưa khách vào du lịch Việt Nam; không được kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài (outbound);

Sản xuất giày dép

Chi tiết: Sản xuất, gia công giày dép (không sản xuất gia công tại trụ sở)

Các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với quy định pháp luật

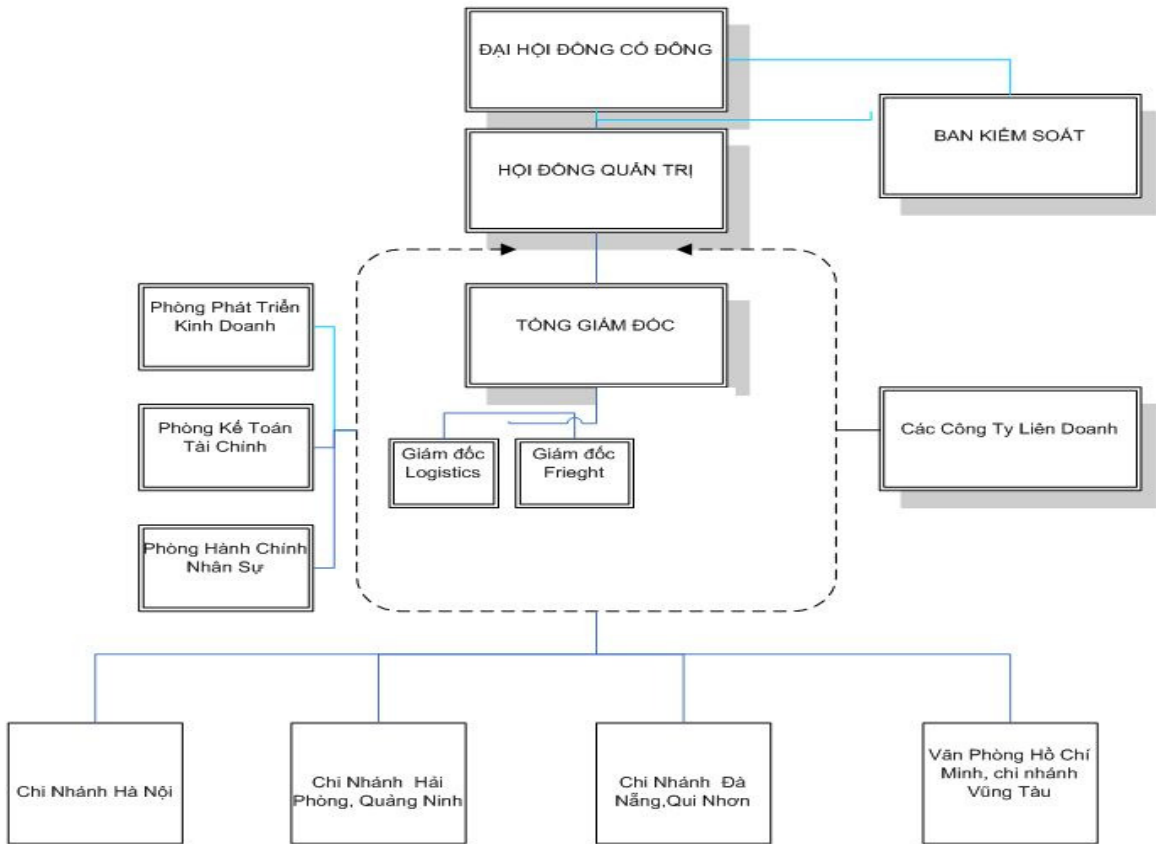
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị SAFI bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc.

Công ty hiện có 06 Chi Nhánh, đơn vị trực thuộc; 02 Công ty con và 02 Công ty liên doanh liên kết hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ vận tải và đại lý vận tải. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA SAFI



b. Các đơn vị trực thuộc

- + Chi nhánh Hà Nội
- + Chi nhánh Hải Phòng
- + Chi nhánh Quảng Ninh
- + Chi nhánh Đà Nẵng
- + Chi nhánh Bình Định
- + Chi nhánh Vũng Tàu

c. Các công ty con, công ty liên doanh liên kết

- + **Công ty TNHH Đại lý Vận tải COSFI**
 - 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
 - Vốn điều lệ: 2.270.000.000 đồng.
 - Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 69%.
 - Ngành nghề kinh doanh: Giao nhận và đại lý tàu biển
- + **Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI**
 - 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
 - Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%.
- Ngành nghề: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng

4. Định hướng phát triển

4.1 Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển bền vững ngành nghề kinh doanh cốt lõi; tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển; mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của SAFI. Khai thác hiệu quả các nguồn lực để tăng trưởng và phát triển bền vững, nâng cao giá trị doanh nghiệp.

4.2 Chiến lược tập trung

- Củng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới, tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kho bãi, tiếp vận, Logistics;
- Phát huy tối đa nguồn nhân lực kết hợp công nghệ thông tin hiện đại làm nền tảng bền vững cho sự phát triển dịch vụ làm đại lý;
- Duy trì các thế mạnh dịch vụ vận tải sẵn có như đường hàng không, đường biển;
- Liên kết các dịch vụ khai quan, giao nhận, chủ trương mở rộng hoạt động chào bán hàng, khai thác tốt kho bãi theo hướng cung cấp dịch vụ trọn gói;
- Tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường Đông Bắc Á, Bắc Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc;
- Tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển.
- Nắm bắt các chính sách của Nhà nước, Hiệp định Quốc tế để có định hướng phát triển đúng và phù hợp.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Thực hiện việc phát triển doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường như giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, sử dụng nước, sử dụng năng lượng, hướng đến việc tăng cường sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường.
- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp về cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo an toàn, tuân thủ các quy định trong việc khai thác vận hành kho bãi hàng hoá, công tác phòng chống cháy nổ, xử lý chất thải...
- Việc phát triển doanh nghiệp gắn với việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động, bảo đảm việc làm ổn định, tăng thu nhập, góp phần vào công tác an sinh xã hội, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện...
- Quan tâm công tác đào tạo và đào tạo lại lao động đáp ứng yêu cầu công tác mới, xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề có khả năng nắm bắt được công nghệ kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm cộng đồng.

5. Các rủi ro

a. Rủi ro kinh tế

Ít hay nhiều, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu sự tác động của các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế. Để hạn chế rủi ro của các tác động này, Ban giám đốc công ty luôn thận trọng và hoạch định chiến lược phát triển phù hợp cho hoạt động của công ty.

b. Rủi ro kinh doanh

Cũng như các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành, Công ty cũng chịu sự cạnh tranh, áp lực từ nhiều yếu tố, trong đó có rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh của công ty đối thủ... do đó Công ty luôn phải cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ với mức giá cạnh tranh hợp lý đối với khách hàng.

c. Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, bão lụt, sai sót do con người, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, khó lường trước, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn duy trì việc mua bảo hiểm trách nhiệm người Đại lý giao nhận vận tải và vật chất của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	538.935.093.027	702.041.366.073	+130%
2	Doanh thu thuần	845.984.587.605	1.203.172.731.199	+142%
3	Lợi nhuận gộp	136.652.874.689	171.783.794.062	+126%
4	Lợi nhuận trước thuế	54.223.967.698	98.409.935.868	+181%
5	Lợi nhuận sau thuế	44.877.316.155	82.332.644.998	+183%
6	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	41,32%	27,48%	+ 57%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.130	5.763	+84,12%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 của Công ty

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chi tiêu	Thực hiện so với kế hoạch 2020			So với năm 2019		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ Hoàn thành	Năm 2019	Năm 2020	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	900	1,203	+134%	846	1,203	+42%
2	LNST của cổ đông công ty mẹ	43.5	82.12	+189%	44.5	82.12	+85%

- Tổng doanh thu đạt 1.203 tỷ đồng, vượt 34% kế hoạch năm, tăng trưởng 42% so với cùng kỳ 2019
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 82,12 tỷ đồng, vượt 89% kế hoạch năm, tăng trưởng 85% so với cùng kỳ 2019
- Kết quả kinh doanh trong năm của Công ty tăng trưởng mạnh mẽ dù tình hình kinh doanh trong năm 2020 gặp rất nhiều khó khăn vì dịch bệnh covid 19. Tuy nhiên Công ty đã hoàn thành tốt và vượt kế hoạch doanh thu lợi nhuận.

1.2 Cơ cấu hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
- Doanh thu thuần từ hàng bán	395	787	21,7	1.203
- Lợi nhuận từ hđ kinh doanh	93	63	14,8	171,8
- Tổng tài sản	175,3	349,5	9,6	702
- Tổng nợ phải trả	71,2	142	3,9	219,6

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 của Công ty

- Hoạt động Logistic luôn đem lại lợi nhuận ổn định hằng năm của công ty. Tỷ trọng chiếm 33% tổng doanh thu nhưng tỷ suất lợi nhuận chiếm tới 23,5% trong cơ cấu tổng lợi nhuận, doanh thu đạt 395 tỷ đồng.
- Doanh thu dịch vụ Forwarding chiếm tỷ trọng 65,4% trên tổng doanh thu, đạt 787 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp đạt 63 tỷ đồng.
- Doanh thu Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác là 2,7 tỷ đồng, tuy tỷ trọng trên tổng doanh thu chỉ chiếm 1,8% nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 68% ~14,8 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

a. Thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Chủ tịch HĐQT	4,13%	Nhậm chức Chủ tịch HĐQT ngày 4/9/2020
2	Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	6,63%	
3	Ông Đặng Trần Phúc	Ủy viên HĐQT	2,12%	
4	Ông Vũ Văn Trực	Ủy viên HĐQT	0,00%	
5	Ông Nguyễn Trường Nam	Ủy viên HĐQT	0,00%	
6	Ông Ngô Trung Hiếu	Ủy viên HĐQT	0,79%	Từ nhiệm TV HĐQT ngày 26/06/2020

b. Thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng, Cán bộ quản lý khác:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc	-nt-	
2	Nguyễn Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	1,59%	

c. Thành viên Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu	Ghi chú
1	Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban	1,37%	
2	Trần Thị Ngọc Đào	Thành viên	0,0%	Trúng cử TV BKS ngày 26/06/2020
3	Huỳnh Quang Thành	Thành viên	0,07%	Từ nhiệm ngày 26/06/2020
4	Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên	0,00%	

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không thay đổi so với năm trước

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020 là 383 người.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
A. Phân theo đối tượng lao động	373	100%
- Lao động trực tiếp	353	94,64%
- Lao động gián tiếp	20	5,36%
B. Phân theo trình độ lao động	373	100%
- Trình độ đại học và trên đại học	190	50,94%
- Trình độ trung cấp và cao đẳng	161	43,16%
- Lao động phổ thông	22	5,9%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Tình hình dự án, đầu tư lớn trong năm: Không có

3.2 Tình hình đầu tư các công ty con, công ty liên kết:

– Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH
Công ty Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	45%	45%	3.375	45%	45%	3.375
Công ty TNHH SITC Việt Nam	51%	50%	5.925	0%	0%	5.186
Tổng cộng			9.300			8.561

– Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG)	1.500	570	(930)	1.500	780	(720)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam (Mã CK: VSC)	157.049	291.479	-	97,3	90.06	(7.241)
Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam	467	-	-	467	-	-
Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics	120	-	-	120	-	-
Cộng	159.136	292.049	(930)	99.389	90.841	(7.961)

– Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Cổ phần nắm giữ hoặc tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam	Hà Nội	150.000 Cổ phần	Dịch vụ vận tải
Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	Hải Phòng	5.290.000 Cổ phần	Dịch vụ hàng hải
Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam	Hải Phòng	20,00%	Đại lý vận tải hàng hóa
Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics	Hải Phòng	1,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 của Công ty

- Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ, Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) (tên cũ là Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)) là 600.000 USD, trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.
- Cũng theo hợp đồng liên doanh thì Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đã hết thời hạn hoạt động kinh doanh vào ngày 05/09/2014. Đến thời điểm hiện tại,

Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đang thực hiện các thủ tục để giải thể. Việc thanh lý khoản đầu tư sẽ thực hiện khi hoàn tất thủ tục giải thể, do đó việc ghi giảm giá trị khoản đầu tư và các chi phí liên quan đến thanh lý cũng như tài sản được phân chia (nếu có) sẽ được ghi nhận tại thời điểm đó.

- Công ty TNHH SITC Việt Nam (SITC Việt Nam) đã hết hạn liên doanh và đã làm thủ tục gia hạn liên doanh. Tuy nhiên, sau khi gia hạn liên doanh Công ty không còn kiểm soát hoạt động kinh doanh của SITC Việt Nam nên Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào SITC Việt Nam là khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chi tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	538.935.093.027	702.041.366.073	+30,26%
2	Doanh thu thuần	845.984.587.605	1.203.172.731.199	+42,22%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD chính	53.930.985.880	97.557.073.277	+80,89%
4	Lợi nhuận khác	292.981.818	852.862.591	+191,10%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.223.967.698	98.409.935.868	+81,49%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	44.877.316.155	82.332.644.998	+83,46%
7	LNST của cổ đông công ty mẹ	44.529.665.005	82.120.488.018	+84,42%
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.130	5.763	+84,12%
9	Cổ tức	15%	15%	0.00%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,00	1,76
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,92	1,76
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng nguồn vốn	Lần	0,17	0,31
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,65	1,46

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	-	-	-
- Doanh thu thuần/tổng tài sản	Vòng	1,57	1,71
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
- Hệ số LNST/doanh thu thuần (ROS)	%	5,30%	4,50%
- Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	31,22%	35,91%
- Hệ số LNST/tổng tài sản (ROA)	%	8,33%	7,72%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	6,37%	5,65%

5. Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- + Số lượng cổ phiếu phát hành: 15.085.305 cổ phiếu
- + Cổ phiếu quỹ: 1.730.012 cổ phiếu
Trong đó: 1.480.000 cổ phiếu (mua lại trong năm 2020 theo NQ HĐQT số 06/NQ-HĐQT-2020 ngày 19/05/2020) và 250.012 cổ phiếu (mua lại cổ phiếu ESOP của CBCNV nghỉ việc từ các đợt thu hồi trước đây)
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết: 13.355.293 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông: Danh sách chốt cổ đông ngày 09/09/2020 do VSD cấp.

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	0,00%	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu 5% vốn CP trở lên)	7.963.018	52,79%	3	2	1
	- Trong nước	7.068.008	46,85%	2	1	1
	- Nước ngoài	895.010	5,92%	1	1	-

4	Công đoàn Công ty	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	1.730.012	11,47%	1	1	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	0,00%	-	-	-
7	Cổ đông khác	5.392.275	35,75%	1.195	43	1.152
	- Trong nước	4.744.164	31,45%	1.134	31	1.103
	- Nước ngoài	648.111	4,30%	61	12	49
TỔNG CỘNG		15.085.305	100,00%	1.199	46	1.153
Trong đó : - Trong nước		13.542.184	89,77%	1.137	33	1.104
- Nước ngoài		1.543.121	10,23%	62	13	49

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tháng 2/2020 Công ty đã phát hành thêm 710.728 cổ phiếu ESOP 2019 (đợt 1) cho CBCNV Công ty theo NQ ĐHĐCĐ thường niên ngày 30/03/2019, tăng vốn điều lệ lên 150.853.050.000 đồng.

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành đã được lưu ký và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Tháng 08/2020 Công ty thực hiện mua 1.480.000 cổ phiếu và 30.000 cổ phiếu ESOP của CBCNV nghỉ việc.

6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với quy trình khai thác kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải và hoạt động cung ứng logistic, công ty không sử dụng bất cứ nguyên vật liệu sản xuất nào khác ngoài yếu tố con người trong khâu quản lý, vận hành các máy móc thiết bị chuyên dùng trong ngành cho khâu xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa. Tuy nhiên, trong quá trình lưu trữ hàng hóa tại cảng nếu có phát sinh hàng hóa không rõ nguồn gốc có chứa chất độc, gây hại đến thiên nhiên hay con người cũng sẽ phần nào tác động đến môi trường sống xung quanh và gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động trong công ty.

6.2 Tiêu thụ năng lượng

Công ty đã sử dụng các loại năng lượng như điện, xăng dầu với định mức và chi phí sử dụng hợp lý, phù hợp với giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty. Việc sử dụng các loại nguyên liệu trên về lâu dài sẽ góp phần tạo ra khí độc hại cho môi trường. Ý thức được điều đó, toàn thể Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo việc sử dụng hợp lý, hạn chế lãng phí nguyên liệu và trong tương lai, Ban lãnh đạo Công ty

sẽ tính toán và đề xuất chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường, bảo đảm việc khai thác hiệu quả và mở rộng thị trường kinh doanh.

6.3 Tiêu thụ nước

Việc tiêu thụ nước chỉ để phục vụ công tác quản lý, sinh hoạt tại văn phòng công ty và cung ứng lại cho các nhà thầu hoạt động tại địa bàn hoạt động của công ty, do đó chi phí phát sinh từ việc sử dụng tài nguyên này là không đáng kể.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các qui định của Nhà nước về môi trường
- Xử phạt vi phạm hành chính về môi trường: Không

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động năm 2020 là 383 người
- Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty là 14.000.000 đồng/1 tháng. Đây là thu nhập tương đối cao so với các Công ty cùng ngành trong khu vực.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: SAFI luôn đề cao lợi ích của người lao động và bảo vệ tối đa lợi ích của người lao động như tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, có chế độ đãi ngộ tốt với những nhân viên lâu năm, tổ chức những buổi giao lưu gặp gỡ nhân viên trong công ty qua các sự kiện của năm như 8/3, trung thu, giáng sinh, tết niên...
- Hoạt động đào tạo người lao động: trong năm công ty cũng đã tổ chức một số buổi đào tạo nhằm phát triển kỹ năng và nghiệp vụ cho người lao động. Đồng thời luôn tạo điều kiện để người lao động có thể học chuyên sâu và nâng cao.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty xác định xây dựng văn hóa đề cao tính trách nhiệm với môi trường và cộng đồng. Trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, thực hiện các chương trình từ thiện là một trong những chương trình hành động vì sự phát triển bền vững trong giai đoạn tới của SAFI.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá kết quả hoạt động của công ty trong năm 2019.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chi tiêu	Thực hiện so với kế hoạch 2020			So với năm liền kề		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	900	1,203	+134%	846	1,203	+42%
2	LNST của cổ đông công ty mẹ	43.5	82.12	+189%	44.5	82.12	+85%

- Tổng doanh thu đạt 1.203 tỷ đồng, vượt 34% kế hoạch năm, tăng trưởng 42% so với cùng kỳ 2019
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 82,12 tỷ đồng, vượt 89% kế hoạch năm, tăng trưởng 85% so với cùng kỳ 2019

Kết quả kinh doanh trong năm của Công ty tăng trưởng mạnh mẽ dù tình hình kinh doanh trong năm 2020 gặp rất nhiều khó khăn vì dịch bệnh covid 19. Tuy nhiên Công ty đã hoàn thành tốt và vượt kế hoạch doanh thu lợi nhuận.

- Cơ cấu theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
- Doanh thu thuần từ hàng bán	395	787	21,7	1.203
- Lợi nhuận từ hđ kinh doanh	93	63	14,8	171,8
- Tổng tài sản	175,3	349,5	9,6	702
- Tổng nợ phải trả	71,2	142	3,9	219,6

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 của Công ty

- Hoạt động Logistic luôn đem lại lợi nhuận ổn định hằng năm của công ty. Tỷ trọng chiếm 33% tổng doanh thu nhưng tỷ suất lợi nhuận chiếm tới 23,5% trong cơ cấu tổng lợi nhuận, doanh thu đạt 395 tỷ đồng.
- Doanh thu dịch vụ Forwarding chiếm tỷ trọng 65,4% trên tổng doanh thu, đạt 787 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp đạt 63 tỷ đồng.
- Doanh thu Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác là 2,7 tỷ đồng, tuy tỷ trọng trên tổng doanh thu chỉ chiếm 1,8% nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 68% ~14,8 tỷ đồng

2. Tình hình tài chính Công ty đến thời điểm 31/12/2020:

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ tăng (giảm)
1	Tài sản ngắn hạn	277.362.714.534	385.066.003.926	139%
2	Tài sản dài hạn	261.572.378.493	316.975.362.147	121%
	Tổng cộng	538.935.093.027	702.041.366.073	

b. Tình hình công nợ

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ tăng (giảm)
1	Nợ ngắn hạn	92.499.677.862	218.229.638.113	236%
2	Nợ dài hạn	1.430.350.440	1.430.350.440	100%
	Tổng cộng	93.930.028.302	219.659.988.553	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

SAFI luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển và thành công, do đó trong năm Công ty đã tái cơ cấu bộ máy quản lý, xây dựng các kế hoạch tài chính, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, triển khai các định hướng quản trị tập trung các hoạt động chức năng hỗ trợ sản xuất kinh doanh như tài chính, nhân sự, tiền lương, quản lý rủi ro, pháp chế... để tích hợp, phát huy sức mạnh chung mang lại hiệu quả tối ưu và đúng định hướng chiến lược phát triển chung của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam về phát triển hạ tầng kho bãi, tiếp vận và logistics, Công ty đã và đang xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên một cách chuyên nghiệp. Xác định đội ngũ nhân lực là sức mạnh cốt lõi, đặc biệt chú trọng đến nguồn nhân lực ngay từ những bước tuyển chọn đầu tiên, Công ty đã tập hợp được 1 đội ngũ nhân viên năng động, bản lĩnh, được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước, dày dặn kinh nghiệm. Ngoài ra, Công ty còn luôn chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Kiểm soát chặt chẽ đầu vào lẫn đầu ra của các sản phẩm lưu thông qua kênh của công ty, tránh xảy ra các trường hợp lưu giữ hàng hoá không rõ nguồn gốc, có tồn tại những yếu tố có thể gây hại đến môi trường.
- Công tác phòng cháy chữa cháy được đảm bảo, nhằm bảo vệ an toàn cho hàng hoá và con người.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- SAFI luôn thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song với đó cần phải đáp ứng được những yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí điều hành quan trọng, công ty đưa ra các yêu cầu tuyển dụng khá gắt gao, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

- Công ty luôn xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng của từng ngành nghề hoạt động, trình độ, năng lực công việc của từng người và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
 - Bên cạnh việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cho người lao động, công ty còn chú trọng đến các hoạt động trợ giúp cộng đồng, coi đó là nét đẹp trong văn hoá của công ty.
 - Nhiều hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo,... đã được công ty triển khai trong năm như: ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiên tai, lũ lụt, hỗ trợ cho các hộ gia đình gặp khó khăn,...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
 - Trong năm 2020, HĐQT đã đề ra phương hướng hoạt động, chính sách phát triển kinh doanh của công ty trên cơ sở Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 26/06/2020. HĐQT luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến của kinh tế trong nước và thế giới, phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức để kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn và hiệu quả trong hoạt động SXKD, thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
 - Các Nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2020:

Stt	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT-2020	11/02/2020	Điều chỉnh, phân bổ lại cổ phiếu ESOP 2019 do CBCNV từ chối mua một phần
2	02/NQ-HĐQT-2020	02/03/2020	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông và thời gian họp ĐHCĐ thường niên 2020
3	03/NQ-HĐQT-2020	03/04/2020	Hủy lịch họp ĐHCĐ ngày 25/4/2020
4	04/NQ-HĐQT-2020	08/04/2020	Thu hồi cổ phiếu ESOP của CBCNV nghỉ việc
5	05/NQ-HĐQT-2020	14/05/2020	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông và thời gian họp ĐHCĐ thường niên 2020 (thay đổi)
6	06/NQ-HĐQT-2020	19/05/2020	Phê duyệt phương án mua cổ phiếu quỹ

Stt	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
7	07/NQ-HĐQT-2020	04/06/2020	Xác định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 49% VDL
8	08/NQ-HĐQT-2020	09/07/2020	Thu hồi cổ phiếu CBCNV nghỉ việc
9	09/NQ-HĐQT-2020	25/08/2020	Thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền năm 2019
10	10/NQ-HĐQT-2020	03/09/2020	Bầu chủ tịch HĐQT Công ty

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Trong năm 2020, HĐQT đã đề ra phương hướng hoạt động, chính sách phát triển kinh doanh và trình ĐHCĐCD thường niên thông qua ngày 26/06/2020. HĐQT luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến của kinh tế trong nước và thế giới, phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức để kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn và hiệu quả trong hoạt động SXKD, thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Từng thành viên HĐQT đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công. Thường xuyên giám sát công việc điều hành của Tổng Giám đốc, trao đổi nắm bắt thông tin, thực hiện tốt vai trò quản trị, phát triển mở rộng thị trường, đầu tư cơ sở vật chất, hợp tác quốc tế, phát triển nguồn nhân lực.

3. Các kế hoạch định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2020 (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%) KH 21 so với TH20
1	Doanh thu thuần	1,200	1,203	99,7%
2	Lợi nhuận sau thuế cổ đông ty mẹ	68,8	82,1	83,8%
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức (bằng tiền/ cổ phiếu)	15%	15%	100,0%

- Tổng doanh thu thuần: 1.200 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ: 68,8 tỷ đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 15% bằng tiền mặt/cổ phiếu

Vấn đề khác:

- HĐQT quyết định việc đầu tư, thoái vốn tại các công ty khi có nhu cầu về vốn cho đầu tư và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.
- Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh.
- Đầu tư mua sắm thêm xe vận tải, romooc, xe cont bổ sung phương tiện vận tải.
- Phát triển mạng lưới thông qua việc đầu tư mở rộng thêm chi nhánh, văn phòng tại các tỉnh miền Trung.
- Tìm kiếm, hợp tác khai thác các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm, tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cp sở hữu
1	Nguyễn Hoàng Dũng	Chủ tịch HĐQT	4,13%
2	Nguyễn Hoàng Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	6,63%
3	Đặng Trần Phúc	Ủy viên HĐQT	2,12%
4	Vũ Văn Trực	Ủy viên HĐQT	0,00%
5	Ngô Trung Hiếu	TV HĐQT (Từ nhiệm ngày 26/06/2020)	0,79%
6	Nguyễn Trường Nam	Ủy viên HĐQT	0,00%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, 6 tháng và cả năm 2020, giải quyết các vấn đề về hoạt động kinh doanh, phát triển thị trường, triển khai công tác đánh giá từng bước các kết quả đạt được theo định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh trong năm.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Công ty có một thành viên HĐQT độc lập không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt

động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHĐCĐ, HĐQT và các thông lệ quản lý hiện đại.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban	1,37%
2	Huỳnh Quang Thành	TV BKS (Từ nhiệm ngày 26/06/2020)	0,07%
3	Trần Thị Ngọc Đào	TV BKS (Trúng cử ngày 26/06/2020)	0,00%
4	Nguyễn Thị Huyền Linh	TV BKS	0,00%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty; đồng thời đánh giá toàn diện công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho công ty trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty. Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự, những cuộc họp lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty;
- Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chiến lược phát triển Công ty. Tài liệu họp được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo giấy mời họp;
- HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị công ty đã có những định hướng mang tính đột phá, năng động, dự báo thị trường và đề ra những chính sách hoạt động Công ty đạt hiệu quả cao, tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh, đầu tư luôn ổn định bền vững.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD - BKS

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thu nhập của các thành viên Ban TGD, HĐQT, BKS:

<i>Đơn vị tính: Triệu đồng</i>	
Năm 2020	Năm 2019

Nguyễn Hoàng Anh	935,3	880,5
Nguyễn Hoàng Dũng	848,8	862,5
Đặng Trần Phúc	773,8	676,5
Vũ Văn Trực	-	-
Ngô Trung Hiếu	-	-
Nguyễn Trường Nam	-	-

– Các khoản lợi ích khác: không có

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Hoàng Anh	TV.HĐQT	2.753.000	18.25%	1.000.000	6.63%	Bán cp
2	Nguyễn Thanh Tuyền	KTT	339.728	2.25%	239.728	1.59%	Bán cp

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2020 của Công ty.

2. Ý kiến kiểm toán:

a. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

b. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán

doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xem phụ lục: Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Hoặc website : www.safi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀNG ANH